TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh** P

Bản án số: 50/2022/DS-ST.
Ngày: 30-8-2022
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ba.

2. Bà Lê Thị Ánh Sáng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 98/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2022 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án số 1409/2022/TB-TA ngày 22/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Thanh Đ, sinh năm 1985.

HKTT: Thôn 10, xã BS, huyện LT, tỉnh ĐN.

Địa chỉ liên lạc: khu phố HP, thị trấn HP, huyện NT, tỉnh ĐN.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Tấn Th, sinh năm 1983.

Địa chỉ: khu phố HP, thị trấn HP, huyện NT, tỉnh ĐN (văn bản ủy quyền ngày 10/3/2022).

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị Ngọc Th, sinh năm 1988.

Ông Phan Văn B, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Tổ 13, khu PL, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh ĐN.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đỗ Thị Mỹ P, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ 13, khu PL, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh ĐN.

(Ông Th, bà Th, ông B có mặt, bà P vắng mặt và
có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện ngày 08/3/2022 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thanh Đ là ông Phạm Tấn Th trình bày:***

Bà Đ và bà Th là bạn bè làm chung công ty chứ không có quan hệ họ hàng gì với nhau. Bà Đ có cho bà Th mượn tổng cộng là 174.000.000 đồng cụ thể các lần như sau:

Lần 1: Vào ngày 17/01/2021, bà Đ có cho bà Đỗ Thị Ngọc Th vay số tiền 50.000.000 đồng, bằng hình thức chuyển khoản, chuyển vào số tài khoản của bà Th: 102005872779, Ngân hàng Viettin Bank tên Đỗ Thị Ngọc Th. Số tiền này thì hai bên chưa thỏa thuận lãi, đến tháng 3/2021 thì bà Th có trả cho bà Đ 5.000.000 đồng tiền lãi. BàTh trả cho bà Đ tiền lãi bao nhiêu thì bà Đ cũng chấp nhận.

Lần 2: Vào tháng 3/2021, bà Đ có cho bà Th vay số tiền 50.000.000 đồng, bà Đ đưa tiền mặt cho bà Th tại Công ty TNHH Hwaseung vina tại khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch. Khoản tiền này hai bên cũng không thỏa thuận lãi. Đến tháng 4/2021 thì vợ chồng bà Th có chuyển cho bà Đ số tiền 5.000.000 đồng tiền lãi. 5.000.000 đồng này là tiền lãi chung của 100.000.000 đồng;

Lần 3: Vào tháng 5/2021, bà Đ có cho bà Th vay số tiền 50.000.0000 đồng, bà Đ đưa tiền mặt cho hai vợ chồng bà Th, ông B đối với khoản tiền này thì hai bên có làm giấy vay nợ, nhưng khi chốt nợ vào lần cuối cùng thì bà Th đã xé bỏ giấy vay nợ này hiện nay bà Đ không còn lưu giữ. Đối với khoản vay này thì hai bên cũng không thỏa thuận lãi mà bà Th có nói là cho mượn để trả tiền ngân hàng, sau khi vay lại ngân hàng rồi thanh toán hết cho bà Đ, nên đối với khoản tiền này thì không thỏa thuận lãi;

Lần 4: Vào tháng 8/11/2021, bà Đỗ Thị Mỹ P (chị gái của bà Th) có hỏi mượn bà Đ số tiền 10.000.000 đồng, bà Đ đồng ý và bà P yêu cầu bà Đ chuyển vào số tài khoản của bà Th thì bà Đ đồng ý. Đối với khoản tiền này bà Đ và bà P không thỏa thuận lãi. Ngoài lần cho bà P mượn này thì bà Đ có cho bà P mượn thêm 15.000.000 đồng (bao gồm 3 lần) thời gian cụ thể thì bà Đ không nhớ. Nhưng đối với khoản tiền này bà Đ cho bà P mượn thì bà Đ và bà P sẽ làm việc với nhau, không liên quan gì đến bà Th. Khoản tiền này bà P đã trả cho bà Đ nên bà Đ không có yêu cầu gì khác. Bà Đ chỉ yêu cầu bà Th phải trả cho bà Đ số tiền 10.000.000 đồng mà bà Đ đã chuyển khoản trực tiếp cho bà Th.

Ngoài ra từ tháng 1/2021 đến tháng 6/2021, bà Th có mượn bà Đ tổng cộng 14.000.000 đồng tiền tiêu xài lặt vặt. Khoản tiền này bao gồm tiền mua quần áo,

mượn chi tiêu nên bà Đ cũng không yêu cầu bà Th trả lãi. Đến ngày 25/11/2021, hai bên gặp nhau tại nhà của bà Đ để chốt nợ tổng cộng số tiền bà Th đã vay của bà Đ là 174.000.000 đồng. Khoản tiền này chỉ là tiền gốc chứ không có tiền lãi. Vào ngày 24/12/2021, vợ chồng bà Th đã trả cho bà Đ số tiền 30.000.000 đồng. Nên hiện nay bà Th và ông B còn nợ bà Đ số tiền 144.000.000 đồng.

Nay bà Đ khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Th, ông B phải trả cho bà Đ số tiền còn nợ bà Đ là 144.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

**** Tại bản tự khai ngày 29/4/2022 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Đỗ Thị Ngọc Th trình bày:***

Vào khoảng tháng 01/2021 vợ chồng bà có vay của bà Huỳnh Thị Thanh Đ số tiền 50.000.000 đồng và mỗi tháng vợ chồng bà đóng tiền lãi cho bà Đ là 5.000.000 đồng. Tới tháng 4/2021 vợ chồng bà có đến nhà bà Đ để vay thêm 50.000.000 đồng nữa nên tổng số tiền là 100.000.000 đồng. Mỗi tháng tiền lãi là 10.000.000 đồng. Tới tháng 7 do dịch bệnh covid vợ chồng bà không đi làm và không có tiền đóng tiền lãi cho bà Đ nữa nên bà có mượn thêm bà Đ 10.000.000 đồng để đóng tiền lãi cho bà Đ. Dịch bệnh kéo dài vợ chồng bà có nói với bà Đ là khi nào hết dịch đi làm lại sẽ đóng tiền cho bà tới ngày 24/12/2021 vợ chồng bà có trả cho bà Đ số tiền 30.000.000 đồng. Vợ chồng bà có xuống năn nỉ và hứa sẽ có tiền đóng lãi nhưng vợ chồng bà Đ không đồng ý và có lên nhà bà Th đập phá nhà cửa, hăm dọa bà đủ thứ và ông Th còn theo bà từ nhà tới công ty chặn bà ngoài cổng không cho bà vào công ty làm việc, bà Th có năn nỉ ông Th để bà đi làm rồi chiều về bà xuống nhà nói chuyện nhưng ông Th không chịu một hai bắt bà phải lên xe để chở về nhà nói chuyện. Đến khi chị ruột của bà là bà Đỗ Thị Mỹ P ra cổng công ty năn nỉ ông Th thì ông Th mới đồng ý cho bà vào làm. Tới 04 giờ 30 phút chiều bà và chị gái bà tan làm nên chạy xuống nhà bà Đ ông Th thì vợ chồng bà Đ yêu cầu bà phải trả đủ số tiền gốc và lãi, bà Th nói bà mới đi làm nên chưa có tiền trả để bà làm ổn định lại bà trả nợ nhưng bà Đ không chịu và giữ bà lại không cho bà về nhà. Vợ chồng bà Đ còn ép bà phải viết giấy nợ với số tiền là 174.000.000 đồng, bà Th có hỏi lại vợ chồng bà Đ là bà không mượn nhiều vậy thì vợ chồng bà Đ nói nợ chồng nợ buộc bà phải ghi vào nếu không ghi vào thì không cho bà về nhà. Lúc đó ông Th chửi bới, đe đọa và kéo bà P về trước và không cho bà Th về. Khoảng 01 tiếng sau vì chị gái bà phải về nhà đón con nên bà P nói ghi đại đi rồi về. Bà Th cũng sợ vì ông Th la lối, hăm dọa bà đủ thứ nên bà đã ghi vào tờ giấy vay số tiền 174.000.000 đồng và bắt bà P phải ký tên bảo lãnh mới cho bà Th về.

Nay phía bà Đ yêu cầu vợ chồng bà phải trả số tiền 144.000.000 đồng thì bà không đồng ý. Bà xác nhận chữ ký và chữ viết Đỗ Thị Ngọc Th trong giấy biên nhận vay nợ ngày 25/11/2021 là của bà và chữ ký Đỗ Thị Mỹ P là của chị gái bà.

- Bị đơn ông Phan Văn B trình bày:

Ông và bà Huỳnh Thị Thanh Đ không có quan hệ gì với nhau, vợ ông làm chung công ty với bà Đ. Ông xác định vợ chồng ông đã mượn của bà Đ tổng số tiền 110.000.000 đồng cụ thể:

Lần 1: Vào ngày 17/01/2021, bà Đ có cho bà Đỗ Thị Ngọc Th và ông vay số tiền 50.000.000 đồng, bằng hình thức chuyển khoản, chuyển vào số tài khoản của bà Th: 102005872779, Ngân hàng Viettin Bank tên Đỗ Thị Ngọc Th. Số tiền này hai bên thỏa thuận lãi suất 10%/tháng tương đương với số tiền 5.000.000 đồng/tháng. Đối với khoản tiền này tháng nào vợ chồng ông cũng trả cho bà Đ 5.000.000 đồng tiền lãi, đã trả tháng 1,2,3,4,5/2021 mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Lần 2: Vào tháng 5/2021, bà Đ có cho vợ chồng ông vay số tiền 50.000.000 đồng tại nhà của bà Đ, bà Đ có đưa tiền mặt cho vợ chồng ông và có viết giấy vay nợ, hai bên cũng thỏa thuận lãi suất là 10%/tháng tương đương 5.000.000 đồng/tháng. Đến tháng 6/2021 vợ chồng ông có trả cho bà Đ 10.000.000 đồng tiền lãi của hai khoản vay 100.000.000 đồng. Từ tháng 7 đến tháng 12/2021 thì ông ngưng không trả tiền lãi nữa do thời điểm đó dịch bệnh, kinh tế khó khăn.

Lần 3: Vào tháng 7/2021, vợ ông là bà Th có mượn thêm 10.000.000 đồng của bà Đ. Khoản này thì vợ ông bảo vay để trả lãi cho bà Đ, chứ hai bên không thỏa thuận lãi suất gì.

Ngày 25/12/2021 hai bên có chốt lại nợ thì bà Đ chốt với vợ ông là 174.000.000 đồng. Đến ngày 27/12/2021 vợ chồng ông có xuống nhà bà Đ để trả số tiền 30.000.000 đồng và không viết giấy tờ gì. Sau khi trả vợ chồng ông có xin viết lại giấy xác nhận nợ nhưng bà Đ không đồng ý.

Theo giấy biên nhận vay nợ ngày 25/12/2021 thì ghi vợ ông có nợ số tiền 174.000.000 đồng, ông có nghe vợ ông nói bà Đ bắt vợ ông phải viết đi viết lại 4 đến 5 lần buộc vợ ông phải ký, nếu vợ ông không ký thì không cho vợ ông về, đó cũng là chữ ký và chữ viết của vợ ông nhưng do thời điểm đó vợ ông bị ép phải ký. Khi ký giấy biên nhận nợ cũng có chị gái của vợ là bà Đỗ Thị Mỹ P ở đó và ký. Tuy nhiên lúc đó không có ông nên vợ và chị vợ không có báo công an mà vẫn đồng ý ký vào giấy vay nợ.

Ông xác định chỉ còn nợ bà Đ 80.000.000 đồng tiền gốc. Nay bà Đ khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông phải trả cho bà Đ số tiền còn nợ là 144.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất, ông không đồng ý do số 144.000.000 đồng này không đúng với số tiền thực tế vợ chồng ông đã mượn. Đây là khoản vay chung của hai vợ chồng để làm ăn nên ông cũng đồng ý trả nợ chung với vợ ông.

**** Người có quyền lợi, nghia vụ liên quan bà Đỗ Thị Mỹ P trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:***

Bà và bà Huỳnh Thị Thanh Đ không có quan hệ gì với nhau, bà và bà Đ làm chung công ty với nhau. Bà có nghe em gái bà là bà Đỗ Thị Ngọc Th nói có vay tiền của bà Huỳnh Thị Thanh Đ nhưng cụ thể bà Th vay số tiền bao nhiêu thì bà không rõ. Tuy nhiên quá trình làm chung tại công ty với nhau thì bà có mượn của bà Đ tổng cộng là 15.000.000 đồng, cụ thể là 02 lần, 1 lần bà Đ đưa tiền mặt là 5.000.000 đồng, hai bên ngầm hiểu với nhau mỗi tháng bà phải đóng 500.000 đồng tiền lời và 01 lần là bà mượn 10.000.000 đồng nhưng bà nói bà Đ là chuyển vào tài khoản của em gái bà là Đỗ Thị Ngọc Th. Số tiền 10.000.000đ thì hàng tháng bà phải trả tiền lời 1.000.000 đồng. Nhưng do khoản vay 5.000.000 đồng trước thời điểm dịch bà không đóng tiền lãi cho bà Đ nên khi bà vay số tiền 10.000.000 đồng thì bà có đồng ý để bà Đ trừ 2.000.000 đồng của khoản vay 5.000.000 đồng, bà Đ chỉ chuyển khoản cho bà Th là 8.000.000 đồng. Đến 02/2022 bà ăn hụi nên đã trả cho bà Đ tổng cộng 18.000.000đ cả gốc và lãi của khoản vay 15.000.000 đồng. Hai bên vay và trả nợ cũng không làm giấy tờ gì cả. Bà xác định bà đã trả nợ đủ cho bà Đ bao gồm cả khoản 10.000.000 đồng mà bà Đ đã chuyển khoản cho em gái bà là bà Th. Hiện nay bà không nợ gì bà Đ nữa.

Nay bà Đ khởi kiện bà Th yêu cầu bà Th phải trả nợ 144.000.000 đồng thì bà có ý kiến là bà đã trả 10.000.000 đồng cho bà Đ nên bà Đ phải trừ 10.000.000 đ mà bà đã trả cho bà Đ vào tổng số nợ của bà Th, chứ số tiền mà bà Th phải trả cho bà Đ bao nhiêu thì bà không biết.

Vào ngày 25/11/2021, bà và bà Th đang đi làm thì ông Th chạy đến và yêu cầu bà Th lên xe ông Th chở về nhà nên bà đứng ra bảo lãnh cho bà Th và hứa sau khi đi làm về hôm nay thì bà sẽ chở bà Th xuống nhà ông Th, bà Đ để làm việc. Chiều ngày 25/11/2021 bà chở bà Th xuống nhà bà Đ, tại nhà bà Đ bà thấy ông Th cầm một tờ giấy vay nợ, số tiền cụ thể trong tờ giấy này thì bà không biết, sau đó ông Th yêu cầu bà Th phải ghi lại tờ giấy khác ghi số nợ 174.000.000 đồng, bà Th có ký tên nhưng không tự nguyện, bà cũng ký người bảo lãnh cho em bà về chứ bà không có liên quan gì đến số tiền bà Th nợ bà Đ.

Do bà bận công việc nên đề nghị được vắng mặt tất cả các buổi làm việc, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử của Tòa án.

**** Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:***

Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc thu thập chứng cứ thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Theo hồ sơ cho thấy trong khoảng thời gian từ 1 đến 11 năm 2021 bà Th có mượn bà Đ nhiều lần với các khoản vay khác nhau. Vào ngày 25/11/2021 cả hai bên đã thống nhất chốt nợ bởi giấy biên nhận vay nợ với tổng số tiền vay 174.000.000 đồng (một trăm bảy mươi tư triệu đồng). Ngày 24/12/2021 vợ chồng bà Th có đến nhà bà Đ trả 30.000.000 đồng tuy không có giấy tờ nhưng được phía bà Đ thừa nhận nên hiện tại bà Đ yêu cầu vợ chồng bà Th thanh toán số tiền còn nợ là 144.000.000 đồng không yêu cầu thanh toán tiền lãi và tại phiên toà bà Đ thừa nhận trong 174.000.000 đồng có 10.000.000 đồng bà cho chị gái bà Th vay.

Phía vợ chồng bà Th không đồng ý vì cho rằng việc ngày 25/11/2021 hai bên chốt nợ là do bị ép buộc, tuy nhiên tại cơ quan điều tra cũng như tại quá trình thu thập chứng cứ của Tòa án ông bà không chứng minh được việc khi ký giấy bị ép buộc. Ngay tại thời điểm ký giấy bà Th có gọi điện cho chồng bà nhưng lại không gọi điện cho cơ quan có thẩm quyền để trình báo sự việc. Như vậy, cho thấy lời khai khi ký giấy bị ép buộc là không có căn cứ. Mặt khác bà thừa nhận chữ viết,chữ ký trong biên nhận vay nợ là của bà, Ngoài ra lời khai bà P cũng khẳng định chữ ký của bà Th là đúng. Nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đ buộc bà Th ông B phải trả cho bà Đ 134.000.000 đồng.

Về án phí: Bà Th ông B phải chịu án phí theo quy định. Bà Đ phải chịu án phí đối với một phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trông tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:*

- Về quan hệ tranh chấp: Bà Huỳnh Thị Thanh Đ khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị Ngọc Th và ông Phan Văn B trả cho bà Đ số tiền 144.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Đỗ Thị Ngọc Th và ông Phan Văn B có cùng địa chỉ tại Tổ 13, khu Phước Long, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Mỹ P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà P vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà P.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thanh Đ khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Đỗ Thị Ngọc Th và ông Phan Văn B phải trả cho bà Đ số tiền còn nợ là 144.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất theo "Giấy biên nhận vay nợ ngày 25/11/2021".

Bị đơn bà Đỗ Thị Ngọc Th và ông Phan Văn B không thừa nhận số tiền vay là 144.000.000 đồng mà xác định chỉ vay của bà Đ số tiền 110.000.000 đồng cụ thể: Lần 1: Vào ngày 17/01/2021, vay số tiền 50.000.000 đồng, bằng hình thức chuyển khoản, chuyển vào số tài khoản của bà Th: 102005872779, Ngân hàng Viettin Bank tên Đỗ Thị Ngọc Th. Số tiền này hai bên thỏa thuận lãi suất 10%/tháng tương đương với số tiền 5.000.000 đồng/tháng; Lần 2: Vào tháng 5/2021, bà Đ có cho bà Th vay số tiền 50.000.000 đồng tại nhà của bà Đ, bà Đ có đưa tiền mặt cho bà Th và có viết giấy vay nợ, hai bên cũng thỏa thuận lãi suất là 10%/tháng tương đương 5.000.000 đ/tháng; Lần 3: Vào tháng 7/2021, bà Th có mượn thêm 10.000.000 đồng của bà Đ. Khoản này thì bà Th vay để trả lãi cho bà Đ, chứ hai bên không thỏa thuận lãi suất gì. Đến ngày 27/12/2021 vợ chồng bà Th có xuống nhà bà Đ để trả số tiền 30.000.000 đồng và không viết giấy tờ gì. Sau khi trả vợ chồng bà Th có xin viết lại giấy xác nhận nợ nhưng bà Đ không đồng ý. Và đến ngày 25/11/2021 hai bên có chốt lại nợ thì bà Đ chốt với bà Th là 174.000.000 đồng chứ không phải 110.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 29/4/2022 và tại phiên tòa bà Th đã xác nhận chữ ký và chữ viết tại "Giấy biên nhận vay nợ ngày 25/11/2021" là của bà Th và chị gái của bà là bà Đỗ Thị Mỹ P có ký vào giấy này với tư cách người bảo lãnh. Bà Th và ông B cho rằng thời điểm viết giấy biên nhận nợ trên là do bà Th bị ép buộc, không tự nguyện do không đúng với số tiền bà Th trực tiếp vay tuy nhiên lại không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc bị ép buộc và thời điểm bị ép buộc cũng không trình báo cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

Theo "Giấy biên nhận vay nợ ngày 25/11/2021" thể hiện bà Đỗ Thị Ngọc Th có vay của bà Huỳnh Thị Thanh Đ số tiền 174.000.000 đồng. Viết bằng chữ: Một trăm bảy mươi bốn triệu đồng. Mục đích vay để làm ăn. Thời hạn vay từ ngày 25/11/2021 đến ngày 25/12/2021. Tuy nhiên nguyên đơn xác định ngày 25/12/2021 bị đơn có đến nhà bà Đ để trả số tiền 30.000.000 đồng tiền mặt, nên nay chỉ yêu cầu bà Th ông B trả số tiền 144.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Tòa án nhân dân huyện Long Thành cũng đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ tại Công an huyện Long Thành về hành vi cho vay lãi nặng đối với đơn trình báo của bà Đỗ Thị Ngọc Th tố cáo bà Huỳnh Thị Thanh Đ tuy nhiên hồ sơ chỉ thể hiện việc các bên có vay nợ nhưng không có dấu hiệu của tội Cho vay nặng lãi.

Mặc dù các bên không thống nhất được số tiền vay nhưng tại Giấy biên nhận vay nợ ngày 25/11/2021 hai bên đã chốt số nợ và bà Th cũng đồng ý ký tên xác nhận và thừa nhận đó là chữ ký và chữ viết của mình. HĐXX xác định đây là tình tiết

không phải chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "Một bên thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản,…mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".

Tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị Thanh Đ xác định trong tổng khoản tiền bà Đ cho bà Th vay theo "Giấy biên nhận vay nợ ngày 25/11/2021" có 10.000.000 đồng là số tiền bà Đỗ Thị Mỹ P trực tiếp vay của bà Đ và bà Đ cũng xác định ông B và bà Th chỉ vay bà Đ số tiền 164.000.000 đồng mà bà Th ông B đã trả cho bà Đ 30.000.000 đồng vào ngày 25/12/2021 nên hiện nay ông B bà Th còn nợ bà Đ tổng số tiền 134.000.000 đồng.

Mặc dù tại Giấy biên nhận nợ chỉ có 01 mình bà Đỗ Thị Ngọc Th ký nhưng quá trình làm việc bà Th và ông B đều xác định khoản nợ vay là để làm ăn chung nên bà Th và ông B đồng ý cùng có trách nhiệm trả cho bà Đ.

Từ những nhận định trên, HĐXX có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Đỗ Thị Ngọc Th và ông Phan Văn B phải trả bà Huỳnh Thị Thanh Đ số tiền nợ là 134.000.000 đồng.

[3.2] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Đỗ Thị Ngọc Th và ông Phan Văn B phải chịu 134.000.000 đồng x 5% = 6.700.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Huỳnh Thị Thanh Đ phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được HĐXX chấp nhận là 10.000.000 x 5% = 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0005564 ngày 12/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Thanh Đ 3.100.000 đồng tiền tạm ứng án phí còn lại.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của HĐXX nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 357, Bộ luật Dân sự năm 2015

- Căn cứ vào Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thanh Đ đối với bị đơn bà Đỗ Thị Ngọc Th và ông Phan Văn B về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Đỗ Thị Ngọc Th và ông Phan Văn B phải thanh toán cho bà Huỳnh Thị Thanh Đ số tiền 134.000.000 đồng (Một trăm ba mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Đỗ Thị Ngọc Th và ông Phan Văn B phải chịu 6.700.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Huỳnh Thị Thanh Đ phải chịu 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) tiền án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0005564 ngày 12/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Thanh Đ 3.100.000 đồng tiền tạm ứng án phí còn lại.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Mỹ P vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**** Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Bích Hồng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Ba – Lê Thị Ánh Sáng **Bùi Thị Bích Hồng**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Ba – Lưu Đ Chung **Đào Ngọc Nam**